

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG, BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Phạm Văn Đức (*)

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Hội Triết học Việt Nam.

Email: ducphilosophy@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự phát triển trong nhận thức lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội bền vững, gắn với tiến bộ và công bằng xã hội qua các giai đoạn lịch sử. Trước thời kỳ đổi mới (1986), việc quản lý chủ yếu dựa trên cơ chế kế hoạch hóa tập trung, với sự kiểm soát của Nhà nước đối với mọi lĩnh vực sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Từ sau đổi mới, quan điểm của Đảng từng bước được hoàn thiện, từ chú trọng tăng trưởng kinh tế đơn thuần sang cách tiếp cận toàn diện hơn, kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Qua các kỳ Đại hội, Đảng đã dần đưa khái niệm phát triển bền vững vào chiến lược quốc gia, nhấn mạnh mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra một số thành tựu nổi bật, hạn chế còn tồn tại trong quản lý phát triển bền vững ở Việt Nam, cũng như đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, bao gồm cải cách thể chế, nâng cao nhận thức xã hội, thúc đẩy công nghệ xanh và tăng cường hợp tác quốc tế. Qua đó, bài viết khẳng định cam kết mạnh mẽ của Đảng trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững, công bằng và văn minh.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, quản lý phát triển xã hội, tiến bộ xã hội, công bằng xã hội.

Ngày nhận bài: 27/05/2025; ngày phản biện: 28/05/2025; ngày sửa chữa: 15/06/2025; ngày duyệt đăng: 30/06/2025.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, phát triển bền vững đã trở thành yêu cầu tất yếu của mọi quốc gia. Với Việt Nam, vấn đề này càng có ý nghĩa đặc biệt khi đất nước

đang trong quá trình hội nhập sâu rộng và phải đối diện với nhiều thách thức lớn về kinh tế, xã hội và môi trường. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đặc biệt là trước đổi mới 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quản lý phát triển xã

hội chủ yếu theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, coi trọng công nghiệp hóa, tập thể hóa và giữ vai trò lãnh đạo toàn diện. Tuy nhiên, cơ chế này bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là sự trì trệ kinh tế và bất cập trong đời sống nhân dân. Từ sau đổi mới, Đảng đã chuyển hướng căn bản, tiếp cận phát triển trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Các kỳ Đại hội Đảng liên tục khẳng định và mở rộng nội hàm khái niệm phát triển bền vững, từ việc xóa đói giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội đến ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các cam kết quốc tế. Việc nghiên cứu sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về quản lý phát triển xã hội bền vững có ý nghĩa quan trọng, không chỉ trên phương diện lý luận mà còn trong công tác hoạch định chính sách cho tương lai.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý sự phát triển xã hội thời kỳ trước đổi mới

Trước khi đổi mới (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện chính sách quản lý sự phát triển xã hội chủ yếu dựa trên các nguyên tắc kế hoạch hóa tập trung. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đặc biệt là sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Đảng Cộng sản Việt Nam triển khai mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, với sự kiểm soát của Nhà nước đối với mọi lĩnh vực sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Các kế hoạch Nhà nước được xây dựng cho từng giai đoạn, và các đơn vị sản xuất cũng như các tổ chức xã hội đều phải tuân theo các chỉ tiêu, định mức được

xác định sẵn.

Đảng Cộng sản giữ vai trò lãnh đạo tối cao trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc thực thi các chính sách phát triển, kiểm soát và giám sát đều thông qua các cơ quan nhà nước; đồng thời, Đảng luôn duy trì vai trò chỉ đạo và điều hành các chủ trương, quyết sách lớn. Trong giai đoạn này, Đảng đặt mục tiêu xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thông qua công nghiệp hóa, nông nghiệp hóa và tập thể hóa nông thôn. Các hợp tác xã và nhà máy quốc doanh chiếm lĩnh nền kinh tế, đồng thời có chính sách cấp phát đất đai và tài nguyên cho các khu vực công.

Các chính sách xã hội được triển khai bằng các chỉ thị và mệnh lệnh hành chính của Đảng và Nhà nước. Quyết định về lương, giá, phân phối hàng hóa đều do nhà nước kiểm soát, dẫn đến việc thiếu sự linh hoạt và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề cụ thể của đời sống. Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục và quản lý các hoạt động văn hóa, tư tưởng nhằm bảo vệ chế độ và đảm bảo sự ổn định xã hội theo đường lối của Đảng. Mặc dù có những thành tựu nhất định trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đạt được các chỉ tiêu phát triển về giáo dục, y tế và công nghiệp hóa trong giai đoạn đầu, song nền kinh tế xã hội chủ nghĩa giai đoạn này cũng gặp phải nhiều khó khăn. Kinh tế trì trệ, lạm phát cao, thiếu hàng hóa và tình trạng thiếu thốn trong đời sống nhân dân là những vấn đề nổi bật.

Đến cuối thập kỷ 1980, nhận thấy

những hạn chế của mô hình quản lý này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới (1986), mở ra một giai đoạn cải cách quan trọng để chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thay đổi hoàn toàn cách thức quản lý và phát triển xã hội.

3. Quan điểm về quản lý sự phát triển bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội qua các kỳ Đại hội kể từ khi đổi mới đến nay

Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (năm 1986) đến nay, quan điểm về quản lý sự phát triển bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đã có sự thay đổi và phát triển đáng kể qua các kỳ đại hội. Các đại hội này không chỉ phản ánh những bước đi trong quá trình phát triển đất nước, mà còn thể hiện sự chuyển mình trong cách tiếp cận đối với sự phát triển bền vững, từ kinh tế sang các yếu tố xã hội và môi trường.

Tại Đại hội VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra quyết định quan trọng trong việc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, vào thời điểm này, khái niệm về phát triển bền vững chưa được đề cập rõ ràng. Các vấn đề môi trường và xã hội chưa phải là ưu tiên chính, mà trọng tâm là cải cách kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng và cải thiện đời sống. Mặc dù vậy, Đại hội VI của Đảng đã xác định được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế đi đôi với cải thiện đời sống nhân dân và chuẩn bị cho nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm

vụ quan trọng của nhiệm kỳ đại hội là cần tiến hành công cuộc đổi mới nhằm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, khôi phục và phát triển nền sản xuất xã hội, tăng trưởng kinh tế một cách bền vững, bảo đảm đời sống của nhân dân và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội đã xác định: “kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1987: 97).

Đến Đại hội VII, Đảng đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của các yếu tố xã hội trong sự phát triển. Mặc dù vẫn tập trung vào tăng trưởng kinh tế, nhưng những vấn đề về công bằng xã hội và cải thiện chất lượng đời sống đã được đề cập nhiều hơn. Văn kiện Đại hội VII đã khẳng định: “kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 73); “phát triển kinh tế đặt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 115). Có thể nói, đây là lần đầu tiên Đảng ta chính thức nhấn mạnh đến việc phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là công bằng và tiến bộ xã hội, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, đến Đại hội

này, vẫn chưa có một quan điểm toàn diện về phát triển bền vững và các vấn đề môi trường còn khá mờ nhạt trong các nghị quyết.

Đại hội VIII của Đảng đã đặt nền móng cho một chiến lược phát triển bền vững hơn, với việc nhấn mạnh phát triển kinh tế nhưng phải đi đôi với các yếu tố xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu giảm nghèo, cải thiện chất lượng giáo dục và y tế, phát triển cơ sở hạ tầng. Với quan điểm “tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1996: 31); “tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1996: 85). Đại hội này khẳng định rõ hơn quan điểm phát triển kinh tế phải kết hợp với cải thiện các yếu tố xã hội, đặc biệt là giáo dục, sức khỏe và văn hóa. Tuy nhiên, trong Văn kiện Đại hội VIII, quan điểm về bảo vệ môi trường vẫn chưa thực sự nổi bật và được coi là yếu tố phụ trong các chiến lược phát triển.

Đến Đại hội IX, Đảng đã bắt đầu có nhận thức rõ ràng hơn về phát triển bền vững. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam không chỉ chú trọng đến tăng trưởng kinh tế, mà còn bắt đầu đưa ra các chiến lược để bảo vệ môi trường và xây dựng một xã hội công bằng. Các chính sách đã bắt đầu nhấn mạnh đến việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Đây là lần đầu tiên

Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đưa ra khái niệm *phát triển bền vững* với cả ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường, thể hiện sự nhận thức rõ ràng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Đảng khẳng định: “kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2001: 301-302).

Cũng trong Đại hội này, Đảng đã đưa ra nhiều chủ trương nhằm giải quyết vấn đề công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Chính sách giảm nghèo trở thành mục tiêu quan trọng của các chương trình phát triển quốc gia. Đảng ta đã chú trọng phát triển các chính sách về bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, đồng thời quan tâm đến việc cải thiện thu nhập và điều kiện sống của người dân, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và an ninh xã hội, đồng thời cũng mở rộng khái niệm an ninh con người, bao gồm an ninh về lương thực, sức khỏe, giáo dục và môi trường.

Tại Đại hội X, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đưa khái niệm *phát triển bền vững* vào các chiến lược phát triển quốc gia. Mục tiêu này bao gồm cả ba yếu tố: *kinh tế, xã hội và môi trường*.

Đảng khẳng định, phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Đây là lần đầu tiên phát triển bền vững được đặt ra một cách rõ ràng trong các văn kiện chính thức. Đảng ta coi: Phát triển bền vững là mục tiêu xuyên suốt của chiến lược phát triển đất nước. Đảm bảo kết hợp giữa phát triển kinh tế nhanh và bền vững, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cải thiện chất lượng môi trường và nâng cao đời sống nhân dân. Đảng khẳng định phát triển bền vững là nền tảng cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đến phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường: “Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006: 222-223).

Đại hội X của Đảng còn nhấn mạnh phải thúc đẩy tiến bộ xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn và miền núi. Đảng đã chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển giảm nghèo bền vững, đồng thời tăng cường hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế trong xã hội: “Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân

dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006: 332). Tại Đại hội này, Đảng tiếp tục quan tâm đến việc mở rộng các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo vệ quyền lợi cho người lao động, đồng thời tăng cường đầu tư cho hệ thống y tế và giáo dục. Đảng tiếp tục xác định an ninh con người là yếu tố tiên quyết để đảm bảo sự ổn định của xã hội. Chính sách an ninh không chỉ bao gồm an ninh truyền thống, mà còn bao gồm các vấn đề như bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và quyền lợi cơ bản của người dân.

Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược, với mục tiêu xây dựng nền kinh tế xanh, nâng cao chất lượng phát triển và bảo vệ môi trường; chủ trương cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái. Đại hội XI ghi nhận một bước tiến quan trọng trong quan điểm về phát triển bền vững, khi Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định việc phát triển kinh tế phải hài hòa với bảo vệ môi trường. Các chính sách về phát triển công nghiệp xanh, tái chế tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm bắt đầu được đề ra. Đại hội XI thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc gắn kết phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang trở thành vấn đề quan trọng toàn cầu. Đảng ta đã khẳng định, cần tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng

phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh: “gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 136); “gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 107).

Đảng tiếp tục chú trọng đến công bằng xã hội và giải quyết các vấn đề chênh lệch giữa các vùng miền, cũng như giữa các tầng lớp xã hội. Các chính sách được đưa ra nhằm đảm bảo phân phối công bằng các nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển của các khu vực nghèo và ít phát triển. Đảng cũng nhấn mạnh đến việc giảm thiểu sự phân hóa xã hội và tăng cường phúc lợi xã hội trong quá trình phát triển: “Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để bảo đảm giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 124-125).

Đảng tiếp tục đẩy mạnh các chương trình an sinh xã hội, với trọng tâm là bảo vệ sức khỏe người dân, cải thiện giáo dục và bảo đảm việc làm ổn định

cho người lao động: “tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 43). An ninh con người được tiếp tục đưa vào các chính sách ưu tiên. Đảng cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc bảo vệ quyền lợi của người dân trong các lĩnh vực như sức khỏe, lương thực, giáo dục và môi trường sống.

Tại Đại hội XII của Đảng, phát triển bền vững được xác định là một trong những mục tiêu chiến lược lâu dài của đất nước. Quan điểm này được đặt ra trong bối cảnh Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn về môi trường như ô nhiễm, biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt tài nguyên. Đảng tiếp tục nhấn mạnh việc phát triển nền kinh tế theo hướng xanh, sạch và hiện đại, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội và công bằng trong phân phối tài nguyên. Phát triển nền kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển công nghiệp tái chế và năng lượng tái tạo, hướng đến nền kinh tế carbon thấp là một phần trong chiến lược phát triển bền vững.

Đảng tiếp tục thực hiện các chính sách để thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, tầng lớp xã hội. Việc giảm nghèo bền vững và bảo đảm việc làm cho người dân được coi là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển. Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn

minh, tạo cơ hội cho mọi người dân phát triển, giảm thiểu sự chênh lệch trong xã hội, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mọi công dân là một định hướng quan trọng. Chính sách an sinh xã hội được mở rộng với mục tiêu bao phủ rộng rãi đối tượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội và hỗ trợ người nghèo. Việc đảm bảo an sinh xã hội gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân, đặc biệt chú trọng đến các chính sách chăm lo sức khỏe, giáo dục, bảo vệ quyền lợi của người lao động. Đảng tái khẳng định mục tiêu xây dựng xã hội an toàn, bảo vệ con người khỏi các nguy cơ về an ninh, sức khỏe và các yếu tố tiêu cực khác; đồng thời chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi con người, bảo vệ các nhóm dân cư yếu thế.

Đại hội XIII của Đảng xác định phát triển bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quốc gia trong giai đoạn mới. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, khi Đảng cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển môi trường bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Đặc biệt, Đảng chú trọng đến việc ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, Đảng cũng luôn coi trọng và nỗ lực thực hiện các cam kết quốc tế về phát triển bền vững, bao gồm việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs), tham gia các

hiệp định khí hậu toàn cầu và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng sạch. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập 1: 207). Có thể nói, Đại hội XIII đã chính thức xác định phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược lâu dài, không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh tế, mà còn vào bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo các cam kết quốc tế về môi trường.

Đảng tiếp tục theo đuổi mục tiêu tạo ra một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo và tăng cường hỗ trợ cho các nhóm yếu thế: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng

xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại. Bảo đảm cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là đối với người nghèo, người yếu thế trong xã hội, quan tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 47-48). Các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, bảo hiểm xã hội được đẩy mạnh. An sinh xã hội được coi là một trong những trụ cột của chính sách phát triển. Đảng tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số và đảm bảo hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phủ rộng khắp: “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 150). Đảng nhấn mạnh việc xây dựng một xã hội an toàn và bình yên, đảm bảo an ninh con người, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an ninh lương thực và các quyền lợi cơ bản của người dân.

Qua tìm hiểu và nghiên cứu những

quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý phát triển xã hội bền vững, chúng ta có thể nhận thấy, từ khi đổi mới đến nay, Đảng ta đã dần hoàn thiện quan điểm về quản lý sự phát triển bền vững, từ việc tập trung vào tăng trưởng kinh tế đơn thuần sang một chiến lược phát triển toàn diện, bao gồm các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Điều đó thể hiện sự thay đổi trong nhận thức và cam kết của Đảng đối với phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa và các thách thức môi trường ngày càng gia tăng. Qua các kỳ Đại hội, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý sự phát triển bền vững đã có sự chuyển biến rõ rệt, từ một sự chú trọng đơn giản vào phát triển kinh tế sang một chiến lược phát triển toàn diện, bao gồm cả yếu tố môi trường và xã hội. Mặc dù những thách thức về môi trường và phát triển bền vững vẫn còn lớn, nhưng Đảng đã xác định rõ hướng đi và cam kết mạnh mẽ về việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

4. Quản lý phát triển bền vững từ đổi mới đến nay: thực trạng và giải pháp

Từ khi đổi mới đến nay, quản lý phát triển bền vững tại Việt Nam đã có nhiều thành tựu đáng kể, nhưng cũng gặp không ít thách thức và hạn chế. Dưới đây là một số thành tựu và hạn chế nổi bật:

Thứ nhất, về thành tựu:

Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, với sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp và dịch vụ. Điều này đã tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững về kinh tế. Các chiến lược phát triển như *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020)* và *Kế hoạch phát triển bền vững* đã nhấn mạnh việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống xã hội. Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Chương trình *Quản lý tài nguyên nước*, *Chương trình chống biến đổi khí hậu*, và *Chính sách bảo vệ đa dạng sinh học* là những ví dụ điển hình. Việt Nam cũng đã tham gia và thực hiện nhiều hiệp định quốc tế về bảo vệ môi trường như Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu.

Chính sách phát triển bền vững cũng đã đóng góp vào sự cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Các chương trình xóa đói giảm nghèo, tăng cường y tế, giáo dục và bảo vệ sức khỏe đã được triển khai hiệu quả. Chính phủ khuyến khích các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ sạch, giảm thiểu ô nhiễm và tái chế tài nguyên. Một số doanh nghiệp của Việt Nam đã chú trọng đến việc áp dụng mô hình phát triển xanh.

Thứ hai, về hạn chế:

Mặc dù có sự tăng trưởng mạnh mẽ, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn phụ thuộc quá nhiều vào các ngành công nghiệp khai khoáng, xuất khẩu nguyên liệu thô, chưa thực sự chuyển dịch sang các ngành công nghiệp có giá trị gia

tăng cao và bền vững. Hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên chưa hiệu quả, dẫn đến tình trạng cạn kiệt nhiều nguồn tài nguyên và gây ra những hệ lụy nghiêm trọng đối với môi trường.

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu, với các vấn đề như nước biển dâng, hạn hán, lũ lụt và xâm nhập mặn. Việc đối phó với biến đổi khí hậu và thiên tai vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở những khu vực nghèo và vùng sâu, vùng xa. Mặc dù đã ban hành nhiều chính sách về bảo vệ môi trường, nhưng chất lượng không khí, nước và đất vẫn ở mức thấp ở nhiều khu vực, đặc biệt là ở các thành phố lớn. Ô nhiễm do khí thải từ các phương tiện giao thông, các nhà máy, và xử lý rác thải chưa được kiểm soát hiệu quả.

Công tác giảm nghèo có nhiều tiến bộ, nhưng sự chênh lệch giàu nghèo vẫn còn lớn, đặc biệt giữa các vùng miền. Điều này gây khó khăn cho việc đạt được mục tiêu phát triển bền vững toàn diện. Các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em và các cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Các chính sách và chiến lược phát triển bền vững chưa được thực thi đồng bộ và hiệu quả ở nhiều cấp chính quyền. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vẫn chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương.

Nói tóm lại, quản lý phát triển bền vững ở Việt Nam đã có những thành tựu

đáng kể, nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Để có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững thực sự, Việt Nam cần tăng cường hơn nữa các giải pháp đồng bộ trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển công bằng xã hội.

Để nâng cao hiệu lực của quản lý phát triển bền vững ở Việt Nam từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau: *Một là*, cần hoàn thiện và đồng bộ hóa các chính sách phát triển bền vững. Các chính sách phát triển bền vững cần phải được xây dựng và thực thi đồng bộ ở các cấp độ khác nhau từ trung ương đến địa phương. Các chiến lược và kế hoạch phát triển phải liên kết chặt chẽ với nhau, không để xảy ra tình trạng mâu thuẫn hoặc thiếu thống nhất trong các quy định pháp lý. Chính sách phát triển bền vững cần được điều chỉnh dựa trên tình hình thực tế và sự thay đổi của môi trường toàn cầu, đặc biệt là biến đổi khí hậu và các vấn đề về bảo vệ tài nguyên.

Hai là, đẩy mạnh công tác giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng. Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền rộng rãi về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả và phát triển công nghiệp xanh. Việc thay đổi nhận thức của cộng đồng sẽ giúp hình thành một xã hội bền vững từ các hành động nhỏ nhất, như giảm thiểu rác thải, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ nguồn nước.

Ba là, đưa kiến thức phát triển bền vững vào chương trình học. Các trường

học và cơ sở đào tạo cần lồng ghép các vấn đề về phát triển bền vững vào chương trình học, giúp thế hệ trẻ nhận thức rõ về trách nhiệm của họ đối với môi trường và xã hội.

Bốn là, tăng cường sử dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cần đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất và đời sống, chẳng hạn như năng lượng tái tạo (gió, mặt trời), công nghệ tiết kiệm năng lượng và tái chế chất thải. Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp và viện nghiên cứu trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ sạch. Phát triển các hệ thống giám sát và quản lý môi trường bằng công nghệ thông tin (ICT), như hệ thống cảnh báo sớm thiên tai, giám sát ô nhiễm không khí, nước và đất.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế. Việt Nam cần tham gia đầy đủ và tích cực vào các hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Ví dụ, thực hiện các cam kết trong *Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu*, giúp giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy nền kinh tế xanh. Việt Nam cần hợp tác với các quốc gia phát triển và các tổ chức quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ công nghệ và phương pháp quản lý phát triển bền vững.

Sáu là, cải cách thể chế và tăng cường năng lực quản lý. Các cơ quan quản lý nhà nước cần được đào tạo và trang bị kiến thức, kỹ năng về quản lý phát triển bền vững. Đồng thời, cần củng cố các cơ quan chuyên môn trong

việc giám sát và thực thi các chính sách phát triển bền vững. Tạo điều kiện cho các địa phương có thể linh hoạt hơn trong việc triển khai các chính sách phát triển bền vững, đồng thời giảm bớt thủ tục hành chính phức tạp để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

Bảy là, khuyến khích các mô hình phát triển kinh tế bền vững. Khuyến khích các ngành sản xuất và dịch vụ sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Các ngành công nghiệp như năng lượng sạch, nông nghiệp bền vững và du lịch sinh thái cần được ưu tiên phát triển. Bên cạnh đó, cần hình thành các khu đô thị thông minh với hệ thống giao thông công cộng hiệu quả, hệ thống xử lý nước thải, tái chế rác thải, giảm thiểu ô nhiễm không khí và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

Tám là, đảm bảo công bằng xã hội trong phát triển bền vững. Tập trung vào việc xóa bỏ nghèo đói một cách bền vững, đặc biệt tại các vùng khó khăn. Các chương trình trợ giúp cần tập trung vào việc tạo ra cơ hội việc làm và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Khuyến khích các cộng đồng tham gia vào việc ra quyết định và giám sát các dự án phát triển bền vững, đảm bảo rằng các chính sách phát triển mang lại lợi ích cho tất cả các nhóm dân cư, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương.

5. Kết luận

Để quản lý phát triển bền vững có

hiệu lực và đạt được mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam cần xây dựng và thực hiện những giải pháp đồng bộ và toàn diện, từ cải cách thể chế đến thúc đẩy công nghệ, giáo dục và hợp tác quốc tế. Đồng thời, việc kết hợp giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng đời sống xã hội là chìa khóa để đạt được sự phát triển bền vững lâu dài.

Tài liệu trích dẫn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.